TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS - PT.
Ngày 21 – 02 – 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tòng Thị Hiền.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Tuấn Long, ông Cầm Văn Thanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/12/2022, ngày 26/12/2022 và ngày 21/02/2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLPT - DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS - ST ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn: Ông Cầm Văn Nvà bà Hà Thị T; Bà Tòng Thị T và ông Cầm Văn S; Ông Hoàng Văn B và bà Cầm Thị T; Ông Lò Văn P và bà Cầm Thị P; Ông Lò Văn V và bà Vì Thị S; Ông Lường Văn G và bà Cầm Thị P. Đều trú tại: Bản NT, xã CN, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Ông N, ông S, ông B, ông P, ông V, ông G có mặt. Bà T, bà T, bà T, bà P, bà S, bà P vắng mặt (đã có ủy quyền cho ông N, ông S, ông B, ông P, ông V, ông G).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Tòng Văn M – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Cầm Thị B. Địa chỉ: Bản NT, xã CN, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đàm Mạnh H – Luật sư thực hiện trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Cầm Văn Đ và chị Cầm Thị N. Địa chỉ: Bản NT, xã CN, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Anh Đức vắng mặt, chị Nga có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Cầm Văn Đ: Anh Cầm Văn H. Địa chỉ: Bản NT, xã CN, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Đồng nguyên đơn ông Cầm Văn N, bà Tòng Thị T, ông Hoàng Văn B, ông Lò Văn P, ông Lò Văn V, ông Lường Thị G, bị đơn bà Cầm Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, các đồng nguyên đơn thống nhất trình bày như sau:

Các ông bà đều là người nhà, họ hàng của ông Cầm Văn P và bà Cầm Thị B. Ông P có đề nghị nhờ các anh em vay vốn theo diện hộ nghèo để vay tiền cho ông P để làm ăn, mua máy xúc. Ông P có hứa sẽ trả lãi ngân hàng chính sách cho các hộ. Toàn bộ hồ sơ vay vốn là do ông Cầm Văn P thực hiện, các ông bà đã tiến hành ký hồ sơ và nhận tiền tại điểm giao dịch. Sau khi nhận tiền từ ngân hàng, 07 hộ gồm Cầm Văn N, ông Hoàng Văn B, ông Lò Văn P, ông Lò Văn V, ông Lường Văn G, Tòng Thị T và ông Cầm Văn Hỏi đã giao cho tiền cho anh P và lập Biên bản bàn giao tiền ngày 05/6/2015 tại nhà ông P. Tại buổi hôm đó, ngoài 07 hộ còn có ông P, ông Dước và bà B, tổ trưởng tổ vay vốn bản NT, xã CN - ông Cầm Văn Chau. Mỗi hộ cho vay 50.000.000đ, tổng cộng là 350.000.000đ. Số tiền vay

này là khoản nợ chung của ông P và bà B. Số tiền nợ này, anh P đã thanh toán lãi cho các hộ gia đình một thời gian đầu. Năm 2016, ông P mất, bà B đã thanh toán cho ông Sơn (chồng bà Thanh) số tiền 16.000.000đ. Đồng thời, bà B có trả lãi cho các hộ một vài tháng tại Ngân hàng chính sách, thể hiện tại bảng kê thanh toán lãi của Ngân hàng chính sách.

Từ tháng 12 năm 2016 đến nay, gia đình bà B không thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng và tiền gốc cho các hộ. Từ đầu năm 2017 đến nay, các hộ phải tự trả lãi tại Ngân hàng, đồng thời phải đáo hạn khoản vay bằng một khoản vay khác của Ngân hàng chính sách. Việc gia đình bà B không thanh toán khoản vay ảnh hưởng lớn đến kinh tế gia đình. Vì vậy, các hộ khởi kiện đề nghị bà Cầm Thị B (vợ ông Cầm Văn P – đã chết) thanh toán cho mỗi gia đình ông Cầm Văn Nghĩa, ông Hoàng Văn B, ông Lò Văn P, ông Lò Văn V, ông Lường Văn G số tiền 50.000.000đ tiền gốc, không yêu cầu tính lãi; đối với gia đình bà Tòng Thị T, yêu cầu bà B thanh toán 34.000.000đ tiền gốc theo biên bản bàn giao tiền ngày 05/6/2015. Anh Cầm Văn Đ và chị Cầm Thị N (con của bà Cầm Thị B và ông Cầm Văn P) đang sử dụng tài sản chung của bà B và ông P phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Cầm Thị B thanh toán số tiền nợ trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đồng nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu thanh toán đối với số tiền gốc, bổ sung yêu cầu tính lãi từ năm 2017 đến nay theo lãi suất Ngân hàng chính sách. Riêng ông Sơn và bà Thanh đề nghị, Tòa án buộc bà B và các con phải có nghĩa vụ thanh toán 50.000.000đ theo giấy biên nhận tiền ngày 05/6/2015 do bà B không nhận đã thanh toán cho bà Thanh số tiền 16.000.000đ cho khoản vay.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Cầm Thị B trình bày:

Bà là vợ của ông Cầm Văn P, có đăng kết hôn tại UBND xã CN, huyện Mai Sơn. Tháng 4 năm 2016, ông P mất. Về việc vay tiền của các hộ gia đình, bà không biết. Việc ông P vay số tiền của 07 hộ, chồng bà không hề bàn bạc với bà và các con, bà cũng không biết ông P sử dụng vào mục đích gì, bà không

được sử dụng khoản tiền vay. Đối với số tiền 16.000.000đ bà giao cho ông Sơn (chồng chị Thanh) nhận là do ông P hứa khi nào chú Sơn làm nhà thì sẽ giúp, vì vậy bà mới giao tiền cho ông Sơn, số tiền này không phải thanh toán cho khoản vay 50.000.000đ của ông P.

Về tài sản chung của ông P và bà có 01 nhà sàn 03 gian 02 trái lợp ngói, đất ở khoảng 100m^2 đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Cầm Văn P. Các tài sản khác như đất đai thì người nhà ông P đã lấy lại hết khi ông P mất. Khi ông P mất, các anh xuống nói ông P vay tiền và đề nghị bà khởi kiện ông Dước để đòi máy xúc do ông Dước làm ăn cùng ông P. Việc bà khởi kiện ông Dước là khởi kiện thay các hộ chứ không liên quan đến bà.

Nếu các nguyên đơn cho rằng ông P vay tiền để mua máy xúc thì hiện nay ai đang giữ máy xúc các bên đều biết, vậy tại sao không đòi người đang giữ máy xúc. Bản thân bà đã đi khởi kiện nhưng tại bản án có hiệu lực đã xác định máy xúc của ông Tuấn. Bà cũng không thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng vì bà không liên quan đến việc vay mượn. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Cầm Thị N và anh Cầm Văn Đ thống nhất trình bày:

Anh, chị là con chung của ông P và bà B. Anh, chị không biết việc ông P có vay tiền của các đồng nguyên đơn vì các anh chị đều còn nhỏ. Năm 2016, ông P mất không để lại di chúc. Tài sản còn lại của ông P để lại là tài sản chung của ông P và bà B, chỉ đủ để gia đình có nơi ở và sinh sống, không đủ để thanh toán cho khoản vay của ông P. Vì vậy, anh chị không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS – ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đã xét xử và quyết định:

Áp dụng Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 468, Điều 611, 614, 615, 357 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 27, 36 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266 Bộ luật

Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Cầm Thị B phải thanh toán số tiền còn nợ theo biên bản bàn giao tiền ngày 05/6/2015, cụ thể: Thanh toán cho gia đình ông Cầm Văn Nghĩa, ông Hoàng Văn B, ông Lò Văn P, ông Lò Văn V, ông Lường Văn G mỗi gia đình số tiền 50.000.000VNĐ và thanh toán cho gia đình bà Tòng Thị T, ông Cầm Văn S số tiền 34.000.000VNĐ. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của các đồng nguyên đơn.

Bác yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn về yêu cầu chị Cầm Thị N và anh Cầm Văn Đ thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 4/5/2022 bị đơn bà Cầm Thị B, ngày 5/5/2022 các đồng nguyên đơn có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến tranh luận của các đồng nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng nguyên đơn: Thay đổi nội dung đơn kháng cáo, rút kháng cáo về việc cấp sơ thẩm không tính lãi đối với các khoản vay. Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Ý kiến tranh luận của bị đơn: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm. Việc vay tiền của các hộ gia đình, bà không được bàn bạc, ký vào giấy vay tiền, không được sử dụng tiền vay. Không đồng ý thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

Ý kiến tranh luận của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn.

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Xét đơn kháng cáo ngày 5/5/2022 của đồng nguyên đơn và đơn kháng cáo ngày 4/5/2022 của bị đơn bà Cầm Thị B đều được thực hiện đúng quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Đồng nguyên đơn gồm các hộ ông Hoàng Văn B, ông Lò Văn P, bà Tòng Thị T, ông Lò Văn V, ông Lường Văn G, ông Cầm Văn Nkhởi kiện bà Cầm Thị B yêu cầu trả mỗi hộ 50.000.000đ là số tiền các hộ vay từ Ngân hành chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Sơn La – Phòng giao dịch huyện Mai Sơn giao cho anh Cầm Văn P (chồng bà Cầm Thị B) vay lại. Đồng nguyên đơn khởi kiện căn cứ vào *"biên bản bàn giao tiền"* ngày 5/6/2015. Xét nội dung biên bản thể hiện bên cho vay gồm ông Hoàng Văn B, ông Lò Văn P, ông Cầm Văn Hỏi, ông Lò Văn V, ông Lường Văn G, bà Tòng Thị T và ông Cầm Văn Nghĩa, mỗi người cho vay số tiền 50.000.000đ (Bằng số ghi số tiền là 5.000.000đ, bằng chữ ghi số tiền là năm mươi triệu đồng), bên nhận tiền là ông Cầm Văn P. Biên bản có chữ ký của người cho vay, người vay, không có chữ ký

của bà Cầm Thị B, ông Cầm Văn Chau ký với tư cách người chứng kiến. Biên bản không thỏa thuận về thời hạn vay, lãi suất, có điều kiện ông Cầm Văn P phải hoàn trả lãi và gốc đầy đủ không liên quan đến 7 người vay nói trên. Tại cấp phúc thẩm đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với các đồng nguyên đơn, bị đơn yêu cầu cung cấp bản gốc hoặc bản sao *"biên bản bàn giao tiền"* ngày 5/6/2015 nhưng các đương sự đều không cung cấp được. Theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự: "*Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.*" thì "*biên bản bàn giao tiền"* ngày 5/6/2015 do các đương sự cung cấp không được coi là chứng cứ. Cấp sơ thẩm chấp nhận xem xét tài liệu, chứng cứ này để giải quyết vụ án là không có căn cứ.

[3] Xét các tài liệu, chứng cứ khác trong vụ án gồm bảng kê lãi phải thu – lãi thực thu – tiền gửi – thu nợ gốc từ tiền gửi do ông Cầm Văn Chau – tổ trưởng tổ vay vốn cung cấp gồm tháng 7 và tháng 11 năm 2015 thì ông P là người trả lãi cho 7 hộ gia đình với Ngân hàng thông qua ông Chau. Tháng 4 năm 2016 ông P chết. Đến năm 2017 thì xảy ra tranh chấp giữa 7 hộ và ông Cầm Văn Dước, bà Cầm Thị B. Bà Cầm Thị B khởi kiện ông Cầm Văn Dước, ông Trần Minh Tuấn để đòi lại chiếc máy xúc và đã được giải quyết, xét xử bằng các bản án có hiệu lực pháp luật: Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS – ST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn; Bản án dân sự phúc thẩm số 31/2019/DS – PT ngày 9/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La; Thông báo về việc trả lời đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm số 576/TB – VC1 – DS ngày 20/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Tuy nhiên, bản án có hiệu lực pháp luật chỉ giải quyết nội dung bà B đòi lại máy xúc, không giải quyết việc vay tiền giữa các hộ gia đình và ông P, bà B. Quá trình giải quyết vụ án, bà B không thừa nhận các khoản vay của ông P, mẫu thuẫn với các lời khai của bà B trong vụ án đã được giải quyết thừa nhận nguồn tiền để mua máy xúc là vay của 7 hộ gia đình đều là anh em họ hàng nội ngoại của ông P, bà B cùng cư trú tại bản

NT, xã CN, mỗi gia đình cho vay 50.000.000đ. Xét lời khai của đương sự không thống nhất, không phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ nên không có cơ sở để xem xét.

[3.1] Đối với khoản tiền lãi hàng tháng khoản vay của các hộ sau khi anh P chết theo lời khai của ông Cầm Văn Chau, tháng 11/2017, bà B có trả tiền lãi và cho con trai là Cầm Văn Đ ký vào bảng kê là không phù hợp với công văn số 11/NHCS – CV ngày 10/01/2023 của Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Sơn La phòng giao dịch huyện Mai Sơn: "*Việc thu lãi, thu tiền gửi tiết kiệm của khách hàng tại Tổ tiết kiệm và vay vốn bản NT, xã CN, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La được Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mai Sơn ủy nhiệm cho ông Cầm Văn Chau là Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn, không có liên quan gì đến bà Cầm Thị B, do đó không thể hiện chữ ký của bà Cầm Thị B trên Bảng kê tính lãi phải thu – lãi thực thu – Tiền gửi – thu nợ gốc từ tiền gửi đối với mã tổ 0202097, tổ trưởng Cầm Văn Chau, địa chỉ: Bản NT, xã CN, huyện Mai Sơn, đơn vị ủy thác: Hội nông dân"*. Biên lai thu lãi và thu tiền gửi hàng tháng cũng chỉ thể hiện họ tên khách hàng, chữ ký người thu tiền là ông Cầm Văn Chau. Các khoản vay của các hộ gia đình đối với Ngân hàng đứng tên của chủ hộ gia đình, không có liên quan đến ông P, bà B.

[3.2] Ngày 23/01/2017, bà B trả số tiền 16.000.000đ cho bà Tòng Thị T và ông Cầm Văn S là người ký nhận tiền được thể hiện cùng với *"Biên bản bàn giao tiền"* ngày 5/6/2015. Bà B cho rằng đây là số tiền nợ bà Thanh, ông Sơn làm nhà, không liên quan đến khoản vay 50.000.000đ như đã phân tích tại mục [2] *biên bản bàn giao tiền"* ngày 5/6/2015 không được coi là chứng cứ để giải quyết vụ án nên không xem xét.

Như vậy, xét thấy toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không đủ cơ sở để xác định ông P có vay tiền của các hộ gia đình, sử dụng tiền vào mục đích gì? bà B có tham gia trả nợ cùng hay không?, đồng nguyên đơn không chứng minh được thỏa thuận vay tài sản với ông P nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các hộ gia đình buộc bà Cầm Thị B phải trả số tiền

350.000.000đ.

[4] Xét kháng cáo của các đồng nguyên đơn về việc không được chấp nhận khoản tính lãi các khoản vay. Tại phiên tòa phúc thẩm, đồng nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét việc rút yêu cầu yêu cầu là tự nguyện, cần được chấp nhận. Đối với đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của đồng nguyên đơn như phân tích tại mục [2] là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định phân tích nêu trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các đồng nguyên đơn ông Hoàng Văn B, ông Lò Văn V, ông Lò Văn P, ông Lường Văn G, ông Cầm Văn Nghĩa, bà Tòng Thị T; chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Cầm Thị B sửa bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Các đồng nguyên đơn, bị đơn đều là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo các đồng nguyên đơn ông Hoàng Văn B, ông Lò Văn V, ông Lò Văn P, ông Lường Văn G, ông Cầm Văn N, bà Tòng Thị T; chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Cầm Thị B. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS - ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La như sau:

1. Áp dụng Điều 471của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 96, Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn gồm yêu cầu bị đơn bà Cầm Thị B phải thanh toán số tiền còn nợ theo biên bản bàn giao tiền ngày 05/6/2015, cụ thể: Thanh toán cho gia đình ông Cầm Văn Nghĩa, ông Hoàng Văn B, ông Lò Văn P, ông Lò Văn V, ông Lường Văn G mỗi gia đình số tiền 50.000.000đ và thanh toán cho gia đình bà Tòng Thị T, ông Cầm Văn S

số tiền 34.000.000đ, tiền lãi suất; yêu cầu chị Cầm Thị N và anh Cầm Văn Đ thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại.

2. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho các đồng nguyên đơn ông Hoàng Văn B, ông Lò Văn V, ông Lò Văn P, ông Lường Văn G, ông Cầm Văn N, bà Tòng Thị T; bị đơn bà Cầm Thị B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 21/02/2023).

Nơi nhận:
- VKS nhân dân tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Tòng Thị Hiền